

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		hoặc CC
6103.23	- - Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6103.29	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Áo jacket và áo blazer:	
6103.31	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6103.32	- - Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6103.33	- - Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6103.39	- - Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	quần soóc:	
6103.41	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6103.42	- - Từ bông	RVC 40% hoặc CC
6103.43	- - Từ sợi tổng hợp	RVC 40% hoặc CC
6103.49	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.04	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân (1), chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.	
	- Bộ com-lê:	
6104.13	- - Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104.19	- - Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Bộ quần áo đồng bộ:	
6104.22	- - Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6104.23	-- Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Áo jacket và áo blazer:	
6104.31	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104.32	-- Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104.33	-- Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104.39	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Váy liền thân (1):	
6104.41	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104.42	- - Từ bông	RVC 40% hoặc CC
6104.43	- - Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104.44	- - Từ sợi tái tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104.49	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Các loại chân váy (skirt) và chân váy dạng quần:	
6104.51	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104.52	- - Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104.53	- - Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104.59	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Các loại quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc:	
6104.61	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6104.62	- - Từ bông	RVC 40% hoặc CC
6104.63	- - Từ sợi tổng hợp	RVC 40% hoặc CC
6104.69	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.05	Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc.	
6105.10	- Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6105.20	- Từ sợi nhân tạo:	RVC 40% hoặc CC
6105.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		nhiều nước thành viên hoặc CC
61.06	Áo blouse, sơ mi và sơ mi cách điệu (shirt- blouse), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.	
6106.10	- Từ bông	RVC 40% hoặc CC
6106.20	- Từ sợi nhân tạo	RVC 40% hoặc CC
6106.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.07	Quần lót, quần sịp, áo ngủ, bộ pyjama, áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc.	
	- Quần lót và quần sịp:	
6107.11	- - Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6107.12	- - Từ sợi nhân tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6107.19	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Các loại áo ngủ và bộ pyjama:	
6107.21	- - Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6107.22	-- Từ sợi nhân tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6107.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Loại khác:	
6107.91	-- Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6107.99	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.08	Váy lót, váy lót bông (petticoats), quần xi líp, quần đùi bó, váy ngủ, bộ pyjama, áo ngủ của phụ nữ bằng vải mỏng và trong suốt (negligees), áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.	
	- Váy lót và váy lót bông (petticoats):	
6108.11	-- Từ sợi nhân tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		nhiều nước thành viên hoặc CC
6108.19	-- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Quần xi líp và quần đùi bó:	
6108.21	-- Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6108.22	-- Từ sợi nhân tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6108.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Váy ngủ và bộ pyjama:	
6108.31	-- Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6108.32	-- Từ sợi nhân tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		hoặc CC
6108.39	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Loại khác:	
6108.91	- - Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6108.92	- - Từ sợi nhân tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6108.99	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.09	Áo phông, áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc.	
6109.10	- Từ bông:	RVC 40% hoặc CC
6109.90	- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% hoặc CC
61.10	Áo bó, áo chui đầu, áo cardigan, gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc.	
	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:	
6110.11	- - Từ lông cừu	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6110.12	- - Từ lông dê Ca-sơ-mia	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6110.19	- - Loại khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6110.20	- Từ bông	RVC 40% hoặc CC
6110.30	- Từ sợi nhân tạo	RVC 40% hoặc CC
6110.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% hoặc CC
61.11	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ dùng cho trẻ em, dệt kim hoặc móc.	
6111.20	- Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6111.30	- Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6111.90	- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.12	Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và bộ quần áo bơi, dệt kim hoặc móc.	
	- Bộ quần áo thể thao:	
6112.11	- - Từ bông	RVC 40% với điều

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6112.12	-- Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6112.19	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6112.20	- Bộ quần áo trượt tuyết	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Quần áo bơi cho nam giới hoặc trẻ em trai:	
6112.31	-- Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6112.39	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Quần áo bơi cho phụ nữ hoặc trẻ em gái:	
6112.41	-- Từ sợi tổng hợp:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6112.49	-- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6113.00	Quần áo được may từ các loại vải dệt kim hoặc móc thuộc nhóm 59.03, 59.06 hoặc 59.07.	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.14	Các loại quần áo khác, dệt kim hoặc móc.	
6114.20	- Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6114.30	- Từ sợi nhân tạo:	RVC 40% hoặc CC
6114.90	- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.15	Quần tất, quần nịt, bít tất dài (trên đầu gối), bít tất ngắn và các loại hàng bít tất dệt kim khác, kể cả nịt chân (ví dụ, dùng cho người giãn tĩnh mạch) và giày, dép không đế, dệt kim hoặc móc.	
6115.10	- Nịt chân (ví dụ, dùng cho người giãn tĩnh mạch):	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		hoặc CC
	- Quần tất và quần nịt khác:	
6115.21	-- Từ sợi tổng hợp, có độ mảnh sợi đơn dưới 67 decitex	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6115.22	-- Từ sợi tổng hợp, có độ mảnh sợi đơn từ 67 decitex trở lên	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6115.29	-- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6115.30	- Tất dài đến đầu gối hoặc trên đầu gối dùng cho phụ nữ, có độ mảnh mỗi sợi đơn dưới 67 decitex:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Loại khác:	
6115.94	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6115.95	-- Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6115.96	- - Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6115.99	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.16	Găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao, dệt kim hoặc móc.	
6116.10	- Được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ với plastic hoặc cao su:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Loại khác:	
6116.91	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6116.92	- - Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6116.93	- - Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6116.99	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.17	Hàng phụ kiện may mặc đã hoàn chỉnh khác, dệt kim hoặc móc; các chi tiết dệt kim hoặc móc của quần áo hoặc của hàng may mặc phụ trợ.	
6117.10	- Khăn choàng, khăn quàng cổ, khăn choàng rộng đội đầu, khăn choàng vai, mạng che mặt và các loại tương tự:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6117.80	- Các phụ kiện may mặc khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6117.90	- Các chi tiết	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
Chương 62 - Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc		
62.01	Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (car-coats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, trừ các loại thuộc nhóm 62.03.	
	- Áo khoác ngoài, áo mưa, áo choàng mặc khi đi xe, áo khoác không tay, áo choàng không tay và các loại tương tự:	
6201.11	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6201.12	- - Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6201.13	- - Từ sợi nhân tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6201.19	- - Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Loại khác:	
6201.91	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6201.92	- - Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6201.93	- - Từ sợi nhân tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		hoặc CC
6201.99	- - Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.02	Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (car-coats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự; dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, trừ loại thuộc nhóm 62.04.	
	- Áo khoác ngoài, áo mưa, áo choàng mặc khi đi xe, áo khoác không tay, áo choàng không tay và các loại tương tự:	
6202.11	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6202.12	- - Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6202.13	- - Từ sợi nhân tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6202.19	- - Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	- Loại khác:	
6202.91	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6202.92	- - Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6202.93	- - Từ sợi nhân tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6202.99	- - Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.03	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai.	
	- Bộ com-lê:	
6203.11	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203.12	- - Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203.19	-- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Bộ quần áo đồng bộ:	
6203.22	-- Từ bông:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203.23	-- Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203.29	-- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Áo jacket và áo blazer:	
6203.31	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203.32	-- Từ bông:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		nhiều nước thành viên hoặc CC
6203.33	- - Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203.39	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc:	
6203.41	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203.42	- - Từ bông:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203.43	- - Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6203.49	- - Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		hoặc CC
62.04	Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân (1), chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái.	
	- Bộ com-lê:	
6204.11	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.12	- - Từ bông:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.13	- - Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.19	- - Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Bộ quần áo đồng bộ:	
6204.21	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.22	- - Từ bông:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.23	-- Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.29	-- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	-- Áo jacket và áo blazer:	
6204.31	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.32	-- Từ bông:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.33	-- Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.39	-- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Váy liền thân (1):	
6204.41	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.42	--- Từ bông:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.43	-- Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.44	-- Từ sợi tái tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.49	-- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Các loại chân váy (skirt) và chân váy dạng quần:	
6204.51	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.52	-- Từ bông:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.53	-- Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.59	-- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc:	
6204.61	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.62	-- Từ bông	RVC 40% hoặc CC
6204.63	-- Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6204.69	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		nhiều nước thành viên hoặc CC
62.05	Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai.	
6205.20	- Từ bông:	RVC 40% hoặc CC
6205.30	- Từ sợi nhân tạo:	RVC 40% hoặc CC
6205.90	- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.06	Áo blouse, sơ mi và sơ mi cách điệu (shirt-blouses) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái.	
6206.10	- Từ tơ tằm hoặc phế liệu tơ tằm:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6206.20	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6206.30	- Từ bông:	RVC 40% hoặc CC
6206.40	- Từ sợi nhân tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6206.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.07	Áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, quần lót,	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	quần đùi, quần sip, áo ngủ, bộ pyjama, áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai.	
	- Quần lót, quần đùi và quần sip:	
6207.11	- - Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6207.19	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Áo ngủ và bộ pyjama:	
6207.21	- - Từ bông:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6207.22	- - Từ sợi nhân tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6207.29	- - Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Loại khác:	
6207.91	- - Từ bông	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6207.99	- - Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.08	Áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, váy lót, váy lót bông (petticoats), quần-xi-líp, quần đùi bó, váy ngủ, bộ pyjama, áo ngủ của phụ nữ bằng vải mỏng và trong suốt (negligees), áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái.	
	- Váy lót và váy lót bông (petticoats):	
6208.11	- - Từ sợi nhân tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6208.19	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Váy ngủ và bộ pyjama:	
6208.21	- - Từ bông:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6208.22	- - Từ sợi nhân tạo	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		hoặc CC
6208.29	-- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Loại khác:	
6208.91	-- Từ bông:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6208.92	-- Từ sợi nhân tạo:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6208.99	-- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.09	Quần áo may sẵn và phụ kiện may mặc cho trẻ em.	
6209.20	- Từ bông:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6209.30	- Từ sợi tổng hợp:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		hoặc CC
6209.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.10	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07.	
6210.10	- Từ các loại vải thuộc nhóm 56.02 hoặc 56.03:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6210.20	- Quần áo khác, loại được mô tả từ phân nhóm 6201.11 đến 6201.19:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6210.30	- Quần áo khác, loại được mô tả từ phân nhóm 6202.11 đến 6202.19:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6210.40	- Quần áo khác dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6210.50	- Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái:	RVC 40% hoặc CC
62.11	Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và quần áo bơi; quần áo khác.	
	- Quần áo bơi:	
6211.11	- - Dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6211.12	- - Dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6211.20	- Bộ quần áo trượt tuyết	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Quần áo khác, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai:	
6211.32	- - Từ bông:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6211.33	- - Từ sợi nhân tạo:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6211.39	- - Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Quần áo khác dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái:	
6211.42	- - Từ bông:	RVC 40% hoặc CC
6211.43	- - Từ sợi nhân tạo:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6211.49	-- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.12	Xu chiêng, gen, áo nịt ngực (corset), dây đeo quần, dây móc bít tất, nịt tất, các sản phẩm tương tự và các chi tiết của chúng, được làm hoặc không được làm từ dệt kim hoặc móc.	
6212.10	- Xu chiêng:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6212.20	- Gen và quần gen:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6212.30	- Áo nịt toàn thân (corselette):	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6212.90	- Loại khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.13	Khăn tay và khăn vuông nhỏ quàng cổ.	
6213.20	- Từ bông:	RVC 40% với điều

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6213.90	- Từ các loại vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.14	Khăn choàng, khăn quàng cổ, khăn choàng rộng đội đầu, khăn choàng vai, mạng che và các loại tương tự.	
6214.10	- Từ tơ tằm hoặc phế liệu tơ tằm:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6214.20	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6214.30	- Từ sợi tổng hợp:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6214.40	- Từ sợi tái tạo:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6214.90	- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.15	Cà vạt, nơ con bướm và cravat.	
6215.10	- Từ tơ tằm hoặc phế liệu tơ tằm:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6215.20	- Từ sợi nhân tạo:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6215.90	- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6216.00	Găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao.	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.17	Hàng phụ kiện may mặc đã hoàn chỉnh khác; các chi tiết của quần áo hoặc của phụ kiện may mặc, trừ các loại thuộc nhóm 62.12.	
6217.10	- Phụ kiện may mặc:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6217.90	- Các chi tiết	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
Chương 63 - Các mặt hàng dệt đã hoàn thiện khác; bộ vải; quần áo dệt và các loại hàng dệt đã qua sử dụng khác; vải vụn		
63.01	Chăn và chăn du lịch.	
6301.10	- Chăn điện	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6301.20	- Chăn (trừ chăn điện) và chăn du lịch, từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6301.30	- Chăn (trừ chăn điện) và chăn du lịch, từ bông:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6301.40	- Chăn (trừ chăn điện) và chăn du lịch, từ xơ sợi tổng hợp:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6301.90	- Chăn và chăn du lịch khác:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
63.02	Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), khăn trải bàn, khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp.	
6302.10	- Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen), dệt kim hoặc móc	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
	- Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen) khác, đã in:	
6302.21	- - Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6302.22	- - Từ sợi nhân tạo:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6302.29	- - Từ các vật liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
	- Vỏ ga, vỏ gối, khăn trải giường (bed linen) khác:	
6302.31	- - Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6302.32	- - Từ sợi nhân tạo:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6302.39	- - Từ các vật liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6302.40	- Khăn trải bàn, dệt kim hoặc móc	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
	- Khăn trải bàn khác:	
6302.51	- - Từ bông:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6302.53	- - Từ sợi nhân tạo	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6302.59	- - Từ các vật liệu dệt khác:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6302.60	- Khăn trong phòng vệ sinh và khăn nhà bếp, từ vải dệt vòng lông hoặc các loại vải dệt-vòng lông tương tự, từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
	- Loại khác:	
6302.91	- - Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6302.93	- - Từ sợi nhân tạo	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6302.99	- - Từ các vật liệu dệt khác:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
63.03	Màn che (kể cả rèm trang trí) và rèm mờ che phía trong; diềm màn che hoặc diềm giường.	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	- Dệt kim hoặc móc:	
6303.12	- - Từ sợi tổng hợp	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6303.19	- - Từ các vật liệu dệt khác:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
	- Loại khác:	
6303.91	- - Từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6303.92	- - Từ sợi tổng hợp	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6303.99	- - Từ các vật liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
63.04	Các sản phẩm trang trí nội thất khác, trừ các loại thuộc nhóm 94.04.	
	- Các bộ khăn phủ giường (bedspreads):	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6304.11	- - Dệt kim hoặc móc	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6304.19	- - Loại khác:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6304.20	- Màn ngủ được chi tiết tại Chú giải Phân nhóm 1 Chương này	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
	- Loại khác:	
6304.91	- - Dệt kim hoặc móc:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6304.92	- - Không dệt kim hoặc móc, từ bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6304.93	- - Không dệt kim hoặc móc, từ sợi tổng hợp	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6304.99	- - Không dệt kim hoặc móc, từ các vật liệu dệt khác	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
63.05	Bao và túi, loại dùng để đóng gói hàng.	
6305.10	- Túi, bao đựng hàng loại lớn có thể gấp, mở linh hoạt:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6305.20	- Túi bông	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
	- Túi vật liệu dệt nhân tạo:	
6305.32	- - Túi, bao đựng hàng loại lớn có thể gấp, mở linh hoạt:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6305.33	- - Loại khác, từ dải polyetylen hoặc dải polypropylen hoặc dạng tương tự:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		nhiều nước thành viên.
6305.39	- - Loại khác:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
6305.90	- Từ các vật liệu dệt khác:	CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên.
63.06	Tấm vải chống thấm nước, tấm che mái hiên và tấm che nắng; tăng (lều); buồm cho tàu thuyền, ván lướt hoặc ván lướt cát; các sản phẩm dùng cho cắm trại.	
	- Tấm vải chống thấm nước, tấm che mái hiên và tấm che nắng:	
6306.12	- - Từ sợi tổng hợp	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
6306.19	- - Từ các vật liệu dệt khác:	RVC 40% với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	- Tăng (lều):	
6306.22	- - Từ sợi tổng hợp	CC
6306.29	- - Từ các vật liệu dệt khác:	CC
6306.30	- Buồm cho tàu thuyền	CC
6306.40	- Đệm hơi:	CC
6306.90	- Loại khác:	CC
63.07	Các mặt hàng đã hoàn thiện khác, kể cả mẫu cắt	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	may.	
6307.10	- Khăn lau sàn, khăn lau bát đĩa, khăn lau bụi và các loại khăn lau tương tự:	CC, ngoại trừ từ 5111 đến 5113, 5208 đến 5212, 5309 đến 5311, 5407, 5408, 5512 đến 5516, 5603, 5801, 5802, 5806, 5903 hoặc 6001 đến 6006
6307.20	- Áo cứu sinh và đai cứu sinh	RVC 40% hoặc CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một nước thành viên.
6307.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CC với điều kiện nguyên liệu ban đầu là vải, vải này phải là vải thô hoặc vải chưa tẩy trắng và được hoàn thiện toàn bộ tại lãnh thổ của một nước thành viên.
6308.00	Bộ vải bao gồm vải dệt thoi và chỉ, có hoặc không có phụ kiện, dùng để làm chăn, thảm trang trí, khăn trải bàn hoặc khăn ăn đã thêu, hoặc các sản phẩm dệt tương tự, đóng gói sẵn để bán lẻ.	CTH
6309.00	Quần áo và các sản phẩm dệt may đã qua sử dụng khác.	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm từ quá trình sản xuất hoặc tiêu thụ.
63.10	Vải vụn, mẩu dây xe, chảo bện (cordage), thùng và cáp đã qua sử dụng hoặc mới và các phế liệu từ vải vụn, dây xe, chảo bện (cordage), thùng hoặc cáp, từ vật liệu dệt.	
6310.10	- Đã được phân loại:	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm từ quá trình sản xuất

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		hoặc tiêu thụ.
6310.90	- Loại khác:	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm từ quá trình sản xuất hoặc tiêu thụ.
Chương 64 - Giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên		
64.01	Giày, dép không thấm nước có đế ngoài và mũi giày bằng cao su hoặc plastic, mũi giày, dép không gắn hoặc lắp ghép với đế bằng cách khâu, tán đinh, xoáy ốc, cắm đế hoặc các cách tương tự.	
6401.10	- Giày, dép có mũi gắn kim loại bảo vệ	RVC 40% hoặc CTH
	- Giày, dép khác:	
6401.92	- - Giày cổ cao quá mắt cá chân nhưng không qua đầu gối	RVC 40% hoặc CTH
6401.99	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
64.02	Các loại giày, dép khác có đế ngoài và mũi giày bằng cao su hoặc plastic.	
	- Giày, dép thể thao:	
6402.12	- - Giày ống trượt tuyết, giày trượt tuyết băng đồng và giày ống gắn ván trượt	RVC 40% hoặc CTH
6402.19	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
6402.20	- Giày, dép có đai hoặc dây gắn mũi giày với đế bằng chốt cài	RVC 40% hoặc CTH
	- Giày, dép khác:	
6402.91	- - Giày cổ cao quá mắt cá chân:	RVC 40% hoặc CTH
6402.99	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
64.03	Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũi giày bằng da thuộc.	
	- Giày, dép thể thao:	
6403.12	- - Giày ống trượt tuyết, giày trượt tuyết băng đồng và giày ống gắn ván trượt	RVC 40% hoặc CTH
6403.19	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
6403.20	- Giày, dép có đế ngoài bằng da thuộc, và mũi giày có đai vòng qua mu bàn chân và quai xỏ ngón chân cái	RVC 40% hoặc CTH
6403.40	- Giày, dép khác, có mũi gắn kim loại bảo vệ	RVC 40% hoặc CTH
	- Giày, dép khác có đế ngoài bằng da thuộc:	
6403.51	- - Giày cổ cao quá mắt cá chân	RVC 40% hoặc CTH
6403.59	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
	- Giày, dép khác:	
6403.91	- - Giày cổ cao quá mắt cá chân:	RVC 40% hoặc CTH

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6403.99	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
64.04	Giày, dép có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng vật liệu dệt.	
	- Giày, dép có đế ngoài bằng cao su hoặc plastic:	
6404.11	- - Giày, dép thể thao, giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày luyện tập và các loại tương tự:	RVC 40% hoặc CTH
6404.19	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
6404.20	- Giày, dép có đế ngoài bằng da thuộc hoặc da tổng hợp	RVC 40% hoặc CTH
64.05	Giày, dép khác.	
6405.10	- Có mũ giày bằng da thuộc hoặc da tổng hợp	RVC 40% hoặc CTH
6405.20	- Có mũ giày bằng vật liệu dệt	RVC 40% hoặc CTH
6405.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
64.06	Các bộ phận của giày, dép (kể cả mũ giày đã hoặc chưa gắn đế trừ đế ngoài); miếng lót của giày, dép có thể tháo rời, đệm gót chân và các sản phẩm tương tự; ghệt, ống ôm sát chân (leggings) và các sản phẩm tương tự, và các bộ phận của chúng.	
6406.10	- Mũ giày và các bộ phận của chúng, trừ miếng lót bằng vật liệu cứng trong mũ giày:	RVC 40% hoặc CC
6406.20	- Đế ngoài và gót giày, bằng cao su hoặc plastic:	RVC 40% hoặc CC
6406.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CC
Chương 65 - Mũ và các vật đội đầu khác và các bộ phận của chúng		
6501.00	Các loại thân mũ hình nón, hình chuông bằng phốt (nỉ, dạ), chưa dựng theo khuôn, chưa làm vành; thân mũ chóp bằng và thân mũ hình trụ (kể cả thân mũ hình trụ đa giác), bằng phốt (nỉ, dạ).	RVC 40% hoặc CC
6502.00	Các loại thân mũ, được làm bằng cách tết hoặc ghép các dải làm bằng vật liệu bất kỳ, chưa dựng theo khuôn, chưa làm vành, chưa có lót, chưa có trang trí.	RVC 40% hoặc CC
6504.00	Các loại mũ và các vật đội đầu khác, được làm bằng cách tết hoặc ghép các dải làm bằng chất liệu bất kỳ, đã hoặc chưa có lót hoặc trang trí.	RVC 40% hoặc CTH
6505.00	Các loại mũ và các vật đội đầu khác, dệt kim hoặc móc, hoặc làm từ ren, nỉ hoặc vải dệt khác, ở dạng mảnh (trừ dạng dải), đã hoặc chưa lót hoặc trang trí; lưới bao tóc bằng vật liệu bất kỳ, đã hoặc chưa có lót hoặc trang trí.	RVC 40% hoặc CTH
65.06	Mũ và các vật đội đầu khác, đã hoặc chưa lót hoặc trang trí.	
6506.10	- Mũ bảo hộ:	RVC 40% hoặc CTH

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	- Loại khác:	
6506.91	- - Bảng cao su hoặc plastic	RVC 40% hoặc CTH
6506.99	- - Bảng các loại vật liệu khác:	RVC 40% hoặc CTH
6507.00	Bảng lót vành trong thân mũ, lớp lót, lớp bọc, cốt, khung, lưới trai và quai, dùng để sản xuất mũ và các vật đội đầu khác.	RVC 40% hoặc CC
Chương 66 - Ô, dù che, ba toong, gậy tay cầm có thể chuyển thành ghế, roi, gậy điều khiển, roi điều khiển súc vật thô kéo và các bộ phận của các sản phẩm trên		
66.01	Các loại ô và dù (kể cả ô có cán là ba toong, dù che trong vườn và các loại ô, dù tương tự).	
6601.10	- Dù che trong vườn hoặc các loại ô, dù tương tự	RVC 40% hoặc CTH
	- Loại khác:	
6601.91	- - Có cán kiểu ống lồng	RVC 40% hoặc CTH
6601.99	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
6602.00	Ba toong, gậy tay cầm có thể chuyển thành ghế, roi, gậy điều khiển, roi điều khiển súc vật thô, kéo và các loại tương tự.	RVC 40% hoặc CTH
66.03	Các bộ phận, đồ trang trí và đồ phụ trợ cho các mặt hàng thuộc nhóm 66.01 hoặc 66.02.	
6603.20	- Khung ô, kể cả khung có gắn với cán (thân gậy)	RVC 40% hoặc CC
6603.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CC
Chương 67 - Lông vũ và lông tơ chế biến, các sản phẩm bằng lông vũ hoặc lông tơ; hoa nhân tạo; các sản phẩm làm từ tóc người		
6701.00	Da và các bộ phận khác của loài chim có lông vũ hoặc lông tơ, lông vũ, các phần của lông vũ, lông tơ và các sản phẩm làm từ chúng (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 05.05 và các ống, lông cánh, lông đuôi đã chế biến).	RVC 40% hoặc CTH
67.02	Hoa, cành, lá, quả nhân tạo và các phần của chúng; các sản phẩm làm bằng hoa, cành, lá hoặc quả nhân tạo.	
6702.10	- Bằng plastic	RVC 40% hoặc CC
6702.90	- Bằng các vật liệu khác:	RVC 40% hoặc CC
6703.00	Tóc người, đã được chải, chuốt, tẩy hoặc xử lý bằng cách khác; lông cừu hoặc lông động vật khác hoặc các loại vật liệu dệt khác, được chế biến để dùng làm tóc giả hoặc sản phẩm tương tự.	RVC 40% hoặc CC
67.04	Tóc giả, râu, lông mi, lông mày giả, tóc độn và các loại sản phẩm tương tự, bằng tóc người hoặc lông động vật hoặc các loại vật liệu dệt; các sản phẩm bằng tóc người chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác.	
	- Bằng vật liệu dệt tổng hợp:	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6704.11	- - Bộ tóc giả hoàn chỉnh	RVC 40% hoặc CTH
6704.19	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
6704.20	- Bảng tóc người	RVC 40% hoặc CTH
6704.90	- Bảng vật liệu khác	RVC 40% hoặc CTH
Chương 68 - Sản phẩm làm bằng đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica hoặc các vật liệu tương tự		
6801.00	Các loại đá lát, đá lát lề đường và phiến đá lát đường, bằng đá tự nhiên (trừ đá phiến).	RVC 40% hoặc CTH
68.02	Đá làm tượng đài hoặc đá xây dựng đã được gia công (trừ đá phiến) và các sản phẩm làm từ các loại đá trên, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 68.01; đá khối dùng để khảm và các loại tương tự, bằng đá tự nhiên (kể cả đá phiến), có hoặc không có lớp lót; đá hạt, đá dăm và bột đá đã nhuộm màu nhân tạo, làm bằng đá tự nhiên (kể cả đá phiến).	
6802.10	- Đá lát, đá khối và các sản phẩm tương tự, có hoặc không ở dạng hình chữ nhật (kể cả dạng hình vuông), mà diện tích bề mặt lớn nhất của nó có thể nằm gọn trong một hình vuông có cạnh nhỏ hơn 7 cm; đá hạt, đá dăm và bột đá đã nhuộm màu nhân tạo	RVC 40% hoặc CTH
	- Đá làm tượng đài hoặc đá xây dựng khác và các sản phẩm làm từ chúng, mới chỉ cắt hoặc cưa đơn giản, có bề mặt nhẵn hoặc phẳng:	
6802.21	- - Đá hoa (marble), tra-véc-tin và thạch cao tuyết hoa	RVC 40% hoặc CTH
6802.23	- - Đá granit	RVC 40% hoặc CTH
6802.29	- - Đá khác:	RVC 40% hoặc CTH
	- Loại khác:	
6802.91	- - Đá hoa (marble), tra-véc-tin và thạch cao tuyết hoa:	RVC 40% hoặc CTH
6802.92	- - Đá vôi khác	RVC 40% hoặc CTH
6802.93	- - Đá granit:	RVC 40% hoặc CTH
6802.99	- - Đá khác	RVC 40% hoặc CTH
6803.00	Đá phiến đã gia công và các sản phẩm làm bằng đá phiến hoặc làm bằng đá phiến kết khối (từ bột đá phiến kết lại thành khối).	RVC 40% hoặc CTH
68.04	Đá nghiền, đá mài, đá mài dạng hình tròn và tương tự, không có cốt, dùng để nghiền, mài, đánh bóng, giũa hoặc cắt, đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay, và các phần của chúng, bằng đá tự nhiên, bằng các vật liệu mài tự nhiên hoặc nhân tạo đã được kết khối, hoặc bằng gốm, có hoặc không kèm theo các bộ phận bằng các vật liệu khác.	
6804.10	- Đá nghiền (thót cối xay) và đá mài để nghiền, mài	RVC 40% hoặc CTH

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	hoặc xay thành bột	
	- Đá nghiền, đá mài khác, đá mài dạng hình tròn và dạng tương tự:	
6804.21	- - Bằng kim cương tự nhiên hoặc kim cương nhân tạo đã được kết khối	RVC 40% hoặc CTH
6804.22	- - Bằng vật liệu mài đã được kết khối hoặc bằng gốm khác	RVC 40% hoặc CTH
6804.23	- - Bằng đá tự nhiên	RVC 40% hoặc CTH
6804.30	- Đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay	RVC 40% hoặc CTH
68.05	Bột mài hoặc hạt mài tự nhiên hay nhân tạo, có nền bằng vật liệu dệt, giấy, bìa hoặc các vật liệu khác, đã hoặc chưa cắt thành hình hoặc đã khâu hoặc hoàn thiện bằng cách khác.	
6805.10	- Trên nền chỉ bằng vải dệt	RVC 40% hoặc CTH
6805.20	- Trên nền chỉ bằng giấy hoặc bìa	RVC 40% hoặc CTH
6805.30	- Trên nền bằng vật liệu khác	RVC 40% hoặc CTH
68.06	Sợi xỉ, bông len đá (rock wool) và các loại sợi khoáng tương tự; vermiculite nung nở, đất sét trương nở, xỉ bột và các loại vật liệu khoáng trương nở tương tự; các hỗn hợp và các sản phẩm cách nhiệt, cách âm hoặc các vật liệu khoáng hấp thụ âm, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 68.11 hoặc 68.12 hoặc Chương 69.	
6806.10	- Sợi xỉ, bông len đá (rock wool) và các loại sợi khoáng tương tự (kể cả hỗn hợp của chúng), ở dạng rời, dạng tấm hoặc dạng cuộn	RVC 40% hoặc CTH
6806.20	- Vermiculite nung nở, đất sét trương nở, xỉ bột và các loại vật liệu khoáng trương nở tương tự (kể cả hỗn hợp của chúng)	RVC 40% hoặc CTH
6806.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
68.07	Các sản phẩm bằng asphalt hoặc bằng vật liệu tương tự (ví dụ, bi-tum dầu mỏ hoặc hắc ín than đá).	
6807.10	- Dạng cuộn	RVC 40% hoặc CTH
6807.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
6808.00	Panel, tấm, tấm lát (tiles), khối và các sản phẩm tương tự làm bằng sợi thực vật, rơm rạ hoặc bằng phoi bào, mặt gỗ, dăm gỗ, mùn cưa hoặc phế liệu khác, bằng gỗ, đã được kết khối bằng xi măng, thạch cao hoặc chất kết dính khoáng khác.	RVC 40% hoặc CTH
68.09	Các sản phẩm làm bằng thạch cao hoặc bằng các hỗn hợp có thành phần cơ bản là thạch cao.	
	- Tấm, lá, panel, tấm lát (tiles) và các sản phẩm tương tự, chưa được trang trí:	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6809.11	- - Được phủ mặt hoặc gia cố chỉ bằng giấy hoặc bìa	RVC 40% hoặc CTH
6809.19	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
6809.90	- Các sản phẩm khác:	RVC 40% hoặc CTH
68.10	Các sản phẩm bằng xi măng, bằng bê tông hoặc đá nhân tạo, đã hoặc chưa được gia cố.	
	- Tấm lát (tiles), phiến đá lát đường, gạch xây và các sản phẩm tương tự:	
6810.11	- - Gạch và gạch khối xây dựng	RVC 40% hoặc CTH
6810.19	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
	- Sản phẩm khác:	
6810.91	- - Các cấu kiện làm sẵn cho xây dựng hoặc kỹ thuật dân dụng	RVC 40% hoặc CTH
6810.99	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
68.11	Các sản phẩm bằng xi măng-amiăng, bằng xi măng-sợi xenlulô hoặc tương tự.	
6811.40	- Chứa amiăng:	RVC 40% hoặc CTH
	- Không chứa amiăng:	
6811.81	- - Tấm làn sóng	RVC 40% hoặc CTH
6811.82	- - Tấm, panel, tấm lát (tiles) và các sản phẩm tương tự khác:	RVC 40% hoặc CTH
6811.89	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
68.12	Sợi amiăng đã được gia công; các hỗn hợp với thành phần cơ bản là amiăng hoặc thành phần cơ bản là amiăng và magie carbonat; các sản phẩm làm từ hỗn hợp đó hoặc làm từ amiăng (ví dụ, chỉ, vải dệt thoi, quần áo, mũ và vật đội đầu khác, giày dép, các miếng đệm), đã hoặc chưa được gia cố, trừ các loại thuộc nhóm 68.11 hoặc 68.13.	
6812.80	- Bằng crocidolite:	RVC 40% hoặc CTH
	- Loại khác:	
6812.91	- - Quần áo, phụ kiện quần áo, giày dép và vật đội đầu:	RVC 40% hoặc CTH
6812.92	- - Giấy, bìa cứng và nỉ	RVC 40% hoặc CTH
6812.93	- - Vật liệu ghép nối làm bằng sợi amiăng ép, ở dạng tấm hoặc cuộn	RVC 40% hoặc CTH
6812.99	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
68.13	Vật liệu ma sát và các sản phẩm từ vật liệu ma sát (ví dụ, tấm mỏng, cuộn, dải, đoạn, đĩa, vòng đệm, tấm lót), chưa lắp ráp, để làm phanh, côn hoặc các sản phẩm tương tự, với thành phần cơ bản là amiăng, các chất khoáng khác hoặc xenlulo, đã hoặc chưa kết hợp với vật liệu dệt hoặc các vật liệu khác.	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6813.20	- Chứa amiăng:	RVC 40% hoặc CTH
	- Không chứa amiăng:	
6813.81	- - Lót và đệm phanh	RVC 40% hoặc CTH
6813.89	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
68.14	Mica đã gia công và các sản phẩm làm từ mica, kể cả mica đã được kết khối hoặc tái chế, có hoặc không có lớp nền phụ trợ bằng giấy, bìa hoặc các vật liệu khác.	
6814.10	- Tấm, tấm mỏng và dải bằng mica đã được kết khối hoặc tái chế, có hoặc không có lớp nền phụ trợ	RVC 40% hoặc CTH
6814.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
68.15	Các sản phẩm bằng đá hoặc bằng các chất liệu khoáng khác (kể cả sợi carbon, các sản phẩm bằng sợi carbon và các sản phẩm làm bằng than bùn), chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác.	
6815.10	- Các sản phẩm làm từ graphit hoặc carbon khác không phải là sản phẩm điện:	RVC 40% hoặc CTH
6815.20	- Sản phẩm từ than bùn	RVC 40% hoặc CTH
	- Các loại sản phẩm khác:	
6815.91	- - Có chứa magiezit, dolomit hoặc cromit	RVC 40% hoặc CTH
6815.99	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
Chương 69 - Đồ gốm, sứ		
6901.00	Gạch, gạch khối, tấm lát (tiles) và các loại hàng gốm, sứ khác làm từ bột silic hóa thạch (ví dụ, đất tảo cát, đá tảo silic hoặc diatomit) hoặc từ các loại đất silic tương tự.	RVC 40% hoặc CTH
69.02	Gạch, gạch khối, tấm lát (tiles) chịu lửa và các loại vật liệu xây dựng bằng gốm, sứ chịu lửa tương tự, trừ các sản phẩm làm bằng bột silic hóa thạch hoặc đất silic tương tự.	
6902.10	- Chứa trên 50% tính theo trọng lượng là một hay nhiều nguyên tố magie (Mg), canxi (Ca) hoặc crom (Cr), thể hiện ở dạng magie oxit (MgO), canxi oxit (CaO) hoặc crom oxit (Cr ₂ O ₃)	RVC 40% hoặc CTH
6902.20	- Chứa trên 50% tính theo trọng lượng là oxit nhôm (Al ₂ O ₃), đioxit silic (SiO ₂) hoặc hỗn hợp hay hợp chất của các chất này	RVC 40% hoặc CTH
6902.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
69.03	Các loại hàng gốm, sứ chịu lửa khác (ví dụ, bình cổ cong, nồi nấu kim loại, lò muffle, nút, phích cắm, giá đỡ, chén thử vàng bạc, các loại ống, ống dẫn, bao vỏ và tay cầm), trừ các sản phẩm làm bằng bột silic hóa thạch hoặc đất silic tương tự.	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6903.10	- Chứa trên 50% tính theo trọng lượng là graphit hoặc carbon khác hoặc hỗn hợp của các sản phẩm này	RVC 40% hoặc CTH
6903.20	- Chứa trên 50% tính theo trọng lượng là oxit nhôm (Al ₂ O ₃) hoặc hỗn hợp hay hợp chất của oxit nhôm và của đioxit silic (SiO ₂)	RVC 40% hoặc CTH
6903.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
69.04	Gạch xây dựng, gạch khối lát nền, tấm đỡ hoặc tấm lót và các loại tương tự bằng gốm, sứ.	
6904.10	- Gạch xây dựng	RVC 40% hoặc CTH
6904.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
69.05	Ngói lợp, ống khói, chụp ống khói, lớp lót trong ống khói, hàng trang trí kiến trúc và hàng xây dựng bằng gốm, sứ khác.	
6905.10	- Ngói lợp mái	RVC 40% hoặc CTH
6905.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
6906.00	Ống dẫn, máng dẫn, máng thoát nước và các phụ kiện để lắp ráp bằng gốm, sứ.	RVC 40% hoặc CTH
69.07	Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường bằng gốm, sứ; các khối khảm và các loại sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ, có hoặc không có lớp nền; các sản phẩm gốm, sứ để hoàn thiện.	
	- Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường trừ loại thuộc phân nhóm 6907.30 và 6907.40:	
6907.21	- - Cửa loại có độ hút nước không vượt quá 0,5% tính theo trọng lượng:	RVC 40% hoặc CTH
6907.22	- - Cửa loại có độ hút nước trên 0,5% nhưng không vượt quá 10% tính theo trọng lượng:	RVC 40% hoặc CTH
6907.23	- - Cửa loại có độ hút nước trên 10% tính theo trọng lượng:	RVC 40% hoặc CTH
6907.30	- Khối khảm và các sản phẩm tương tự, trừ loại thuộc phân nhóm 6907.40:	RVC 40% hoặc CTH
6907.40	- Các sản phẩm gốm, sứ để hoàn thiện:	RVC 40% hoặc CTH
69.09	Đồ gốm sứ dùng trong phòng thí nghiệm, dùng trong lĩnh vực hóa học hoặc kỹ thuật khác; máng, chậu và các vật chứa tương tự dùng trong nông nghiệp bằng gốm, sứ; bình, hũ, liễn và các sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ dùng trong việc chuyên chở hoặc đóng hàng.	
	- Đồ gốm sứ dùng trong phòng thí nghiệm, dùng trong hóa học hoặc kỹ thuật khác:	
6909.11	- - Bằng sứ	RVC 40% hoặc CTH

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
6909.12	-- Các sản phẩm có độ cứng tương đương từ 9 trở lên trong thang đo độ cứng Mohs	RVC 40% hoặc CTH
6909.19	-- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
6909.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
69.10	Bồn rửa, chậu rửa, bệ chậu rửa, bồn tắm, bệ rửa vệ sinh (bidets), bệ xí, bình xối nước, bệ đi tiểu và các sản phẩm vệ sinh tương tự bằng gốm, sứ gắn cố định.	
6910.10	- Bằng sứ	RVC 40% hoặc CTH
6910.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
69.11	Bộ đồ ăn, bộ đồ nhà bếp, đồ gia dụng và đồ sứ vệ sinh khác, bằng sứ.	
6911.10	- Bộ đồ ăn và bộ đồ nhà bếp	RVC 40% hoặc CTH
6911.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
6912.00	Bộ đồ ăn, bộ đồ nhà bếp, đồ gia dụng và đồ vệ sinh bằng gốm, trừ loại bằng sứ.	RVC 40% hoặc CTH
69.13	Các loại tượng nhỏ và các loại sản phẩm trang trí bằng gốm, sứ khác.	
6913.10	- Bằng sứ:	RVC 40% hoặc CTH
6913.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
69.14	Các sản phẩm bằng gốm, sứ khác.	
6914.10	- Bằng sứ	RVC 40% hoặc CTH
6914.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
Chương 70 - Thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh		
7001.00	Thủy tinh vụn và thủy tinh phế liệu và mảnh vụn khác; thủy tinh ở dạng khối.	RVC 40% hoặc CTH
70.02	Thủy tinh ở dạng hình cầu (trừ loại vi cầu thủy tinh thuộc nhóm 70.18), dạng thanh hoặc ống, chưa gia công.	
7002.10	- Dạng hình cầu	RVC 40% hoặc CTH
7002.20	- Dạng thanh	RVC 40% hoặc CTH
	- Dạng ống:	
7002.31	-- Bằng thạch anh nung chảy hoặc các dạng dioxit silic nung chảy khác:	RVC 40% hoặc CTH
7002.32	-- Bằng thủy tinh khác có hệ số giãn nở tuyến tính không quá 5×10^{-6} độ Kelvin khi ở nhiệt độ từ 0°C đến 300°C:	RVC 40% hoặc CTH
7002.39	-- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
70.03	Thủy tinh đúc và thủy tinh cán, ở dạng tấm hoặc dạng hình, đã hoặc chưa tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu, nhưng chưa gia công cách khác.	
	- Dạng tấm không có cốt lưới:	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7003.12	- - Thủy tinh được phủ màu toàn bộ, mờ, sáng hoặc có tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu:	RVC 40% hoặc CTH
7003.19	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
7003.20	- Dạng tấm có cốt lưới:	RVC 40% hoặc CTH
7003.30	- Dạng hình:	RVC 40% hoặc CTH
70.04	Kính kéo và kính thổi, ở dạng tấm, đã hoặc chưa tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu, nhưng chưa gia công cách khác.	
7004.20	- Kính, được phủ màu toàn bộ, mờ, sáng hoặc có tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu:	RVC 40% hoặc CTH
7004.90	- Loại kính khác:	RVC 40% hoặc CTH
70.05	Kính nổi và kính đã mài hoặc đánh bóng bề mặt, ở dạng tấm, đã hoặc chưa tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu, nhưng chưa gia công cách khác.	
7005.10	- Kính không có cốt lưới, có tráng lớp hấp thụ, lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu:	RVC 40% hoặc CTH
	- Kính không có cốt lưới khác:	
7005.21	- - Phủ màu toàn bộ, mờ, sáng hoặc chỉ mài bề mặt:	RVC 40% hoặc CTH
7005.29	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
7005.30	- Kính có cốt lưới	RVC 40% hoặc CTH
7006.00	Kính thuộc các nhóm 70.03, 70.04 hoặc 70.05, đã uốn cong, gia công cạnh, khắc, khoan, tráng hoặc gia công cách khác, nhưng chưa làm khung hoặc lắp với các vật liệu khác.	RVC 40% hoặc CTH
70.07	Kính an toàn, bao gồm kính tôi hoặc kính dán nhiều lớp (laminated glass).	
	- Kính tôi an toàn:	
7007.11	- - Có kích cỡ và hình dạng phù hợp với từng loại xe, phương tiện bay, tàu vũ trụ hoặc tàu thuyền:	RVC 40% hoặc CTH
7007.19	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
	- Kính dán an toàn nhiều lớp:	
7007.21	- - Có kích cỡ và hình dạng phù hợp với từng loại xe, phương tiện bay, tàu vũ trụ hoặc tàu thuyền:	RVC 40% hoặc CTH
7007.29	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
7008.00	Kính hộp nhiều lớp.	RVC 40% hoặc CTH
70.09	Gương thủy tinh, có hoặc không có khung, kể cả gương chiếu hậu.	
7009.10	- Gương chiếu hậu dùng cho xe	RVC 40% hoặc CTH
	- Loại khác:	
7009.91	- - Chưa có khung	RVC 40% hoặc CTH

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7009.92	- - Có khung	RVC 40% hoặc CTH
70.10	Bình lớn có vỏ bọc ngoài, chai, bình thót cổ, lọ, ống, ống dạng phial, ống dạng ampoule và các loại đồ chứa khác, bằng thủy tinh, dùng trong vận chuyển hoặc đóng hàng; lọ, bình bảo quản bằng thủy tinh; nút chai, nắp đậy và các loại nắp khác, bằng thủy tinh.	
7010.10	- Ống dạng ampoule	RVC 40% hoặc CTH
7010.20	- Nút chai, nắp đậy và các loại nắp khác	RVC 40% hoặc CTH
7010.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
70.11	Vỏ bóng đèn thủy tinh (kể cả bóng dạng bầu và dạng ống), dạng hở, và các bộ phận bằng thủy tinh của vỏ bóng đèn, chưa có các bộ phận lắp ghép, dùng cho đèn điện, ống đèn tia âm cực hoặc các loại tương tự.	
7011.10	- Dùng cho đèn điện:	RVC 40% hoặc CTH
7011.20	- Dùng cho ống đèn tia âm cực	RVC 40% hoặc CTH
7011.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
70.13	Bộ đồ ăn, đồ nhà bếp, đồ vệ sinh, đồ dùng văn phòng, đồ trang trí nội thất hoặc đồ dùng cho các mục đích tương tự bằng thủy tinh (trừ các sản phẩm thuộc nhóm 70.10 hoặc 70.18).	
7013.10	- Bảng gồm thủy tinh	RVC 40% hoặc CTH
	- Cốc (ly) có chân, bằng thủy tinh, trừ loại bảng gồm thủy tinh:	
7013.22	- - Bảng pha lê chì	RVC 40% hoặc CTH
7013.28	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
	- Cốc (ly) bằng thủy tinh khác, trừ loại bảng gồm thủy tinh:	
7013.33	- - Bảng pha lê chì	RVC 40% hoặc CTH
7013.37	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
	- Bộ đồ ăn (trừ bộ đồ dùng để uống) hoặc đồ nhà bếp bằng thủy tinh, trừ loại bảng gồm thủy tinh:	
7013.41	- - Bảng pha lê chì	RVC 40% hoặc CTH
7013.42	- - Bảng thủy tinh có hệ số giãn nở tuyến tính không quá 5×10^{-6} độ Kelvin khi ở nhiệt độ từ 0o C đến 300 oC	RVC 40% hoặc CTH
7013.49	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
	- Đồ dùng bằng thủy tinh khác:	
7013.91	- - Bảng pha lê chì	RVC 40% hoặc CTH
7013.99	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
7014.00	Dụng cụ tín hiệu bằng thủy tinh và các bộ phận quang học bằng thủy tinh (trừ những sản phẩm	RVC 40% hoặc CTH

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	thuộc nhóm 70.15), chưa được gia công về mặt quang học.	
70.15	Kính đồng hồ thời gian hoặc kính đồng hồ cá nhân và các loại kính tương tự, các loại kính đeo để hiệu chỉnh hoặc không hiệu chỉnh, được uốn cong, làm lồi, lõm hoặc tương tự, chưa được gia công về mặt quang học; hạt cầu thủy tinh rỗng và mảnh của chúng, dùng để sản xuất các loại kính trên.	
7015.10	- Các loại kính hiệu chỉnh dùng cho kính đeo mắt	RVC 40% hoặc CTH
7015.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
70.16	Khối lát, tấm, gạch, tấm vuông, tấm lát (tiles) và các sản phẩm khác bằng thủy tinh ép hoặc thủy tinh đúc, có hoặc không có cốt lưới, thuộc loại được sử dụng trong xây dựng hoặc mục đích xây dựng; khối thủy tinh nhỏ và đồ thủy tinh nhỏ khác, có hoặc không có lớp lót nền, dùng để khảm hoặc cho các mục đích trang trí tương tự; đèn phủ chì và các loại tương tự; thủy tinh đa phân tử hoặc thủy tinh bọt dạng khối, panel, tấm, lớp, vỏ hoặc các dạng tương tự.	
7016.10	- Thủy tinh dạng khối và đồ thủy tinh nhỏ khác, có hoặc không có lớp lót nền, dùng để khảm hoặc các mục đích trang trí tương tự	RVC 40% hoặc CTH
7016.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
70.17	Đồ thủy tinh dùng cho phòng thí nghiệm, cho vệ sinh hoặc được phẩm, đã hoặc chưa được chia độ hoặc định cỡ.	
7017.10	- Bảng thạch anh nấu chảy hoặc dioxit silic nấu chảy khác:	RVC 40% hoặc CTH
7017.20	- Bảng thủy tinh khác có hệ số giãn nở tuyến tính không quá 5×10^{-6} độ Kelvin khi ở nhiệt độ từ 0oC đến 300 oC	RVC 40% hoặc CTH
7017.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
70.18	Hạt bi thủy tinh, thủy tinh giả ngọc trai, thủy tinh giả đá quý hoặc đá bán quý và các đồ vật nhỏ tương tự bằng thủy tinh, và các sản phẩm làm từ các loại trên trừ đồ trang sức làm bằng chất liệu khác; mắt thủy tinh trừ các bộ phận cơ thể giả khác; tượng nhỏ và các đồ trang trí khác bằng thủy tinh được gia công bằng đèn xi (lamp-worked), trừ đồ trang sức làm bằng chất liệu khác; vi cầu thủy tinh có đường kính không quá 1 mm.	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7018.10	- Hạt bi thủy tinh, thủy tinh giả ngọc trai, thủy tinh giả đá quý hoặc đá bán quý và các đồ vật nhỏ tương tự bằng thủy tinh:	RVC 40% hoặc CTH
7018.20	- Vi cầu thủy tinh có đường kính không quá 1 mm	RVC 40% hoặc CTH
7018.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
70.19	Sợi thủy tinh (kể cả len thủy tinh) và các sản phẩm của nó (ví dụ, sợi, vải dệt).	
	- Ở dạng bị cắt mảnh, sợi thô, sợi xe và sợi bện đã cắt đoạn:	
7019.11	- - Sợi bện đã cắt đoạn, chiều dài không quá 50 mm	RVC 40% hoặc CTH
7019.12	- - Sợi thô	RVC 40% hoặc CTH
7019.19	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
	- Tấm mỏng (voan), mạng (webs), chiếu, đệm, tấm và các sản phẩm không dệt tương tự:	
7019.31	- - Chiếu	RVC 40% hoặc CTH
7019.32	- - Tấm mỏng (voan)	RVC 40% hoặc CTH
7019.39	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
7019.40	- Vải dệt thoi từ sợi thô	RVC 40% hoặc CTH
	- Vải dệt thoi khác:	
7019.51	- - Có chiều rộng không quá 30 cm	RVC 40% hoặc CTH
7019.52	- - Có chiều rộng trên 30 cm, dệt vân điểm, trọng lượng dưới 250 g/m ² , dệt từ sợi filament có độ mảnh mỗi sợi đơn không quá 136 tex	RVC 40% hoặc CTH
7019.59	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
7019.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
7020.00	Các sản phẩm khác bằng thủy tinh.	RVC 40% hoặc CTH
Chương 71 - Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, kim loại được dát phủ kim loại quý, và các sản phẩm của chúng; đồ trang sức làm bằng chất liệu khác; tiền kim loại		
71.01	Ngọc trai, tự nhiên hoặc nuôi cấy, đã hoặc chưa được gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu thành chuỗi, chưa gắn hoặc nạm dát; ngọc trai, tự nhiên hoặc nuôi cấy, đã được xâu thành chuỗi tạm thời để tiện vận chuyển.	
7101.10	- Ngọc trai tự nhiên	WO
	- Ngọc trai nuôi cấy:	
7101.21	- - Chưa được gia công	WO
7101.22	- - Đã gia công	RVC 40%
71.02	Kim cương, đã hoặc chưa được gia công, nhưng chưa được gắn hoặc nạm dát.	
7102.10	- Kim cương chưa được phân loại	RVC 40% hoặc CC
	- Kim cương công nghiệp:	
7102.21	- - Chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt, tách một	RVC 40% hoặc CC

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	cách đơn giản hay mới chỉ được chuốt hoặc mài sơ qua	
7102.29	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTSH
	- Kim cương phi công nghiệp:	
7102.31	- - Chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt, tách một cách đơn giản hay mới chỉ được chuốt hoặc mài sơ qua	RVC 40% hoặc CC
7102.39	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTSH
71.03	Đá quý (trừ kim cương) và đá bán quý, đã hoặc chưa được gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu chuỗi, chưa gắn hoặc nạm dát; đá quý (trừ kim cương) và đá bán quý chưa được phân loại, đã được xâu thành chuỗi tạm thời để tiện vận chuyển.	
7103.10	- Chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt đơn giản hoặc tạo hình thô:	RVC 40% hoặc CC
	- Đã gia công cách khác:	
7103.91	- - Rubi, saphia và ngọc lục bảo:	RVC 40% hoặc CTSH
7103.99	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTSH
71.04	Đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo, đã hoặc chưa gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu thành chuỗi, chưa gắn hoặc nạm dát; đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo chưa phân loại, đã được xâu thành chuỗi tạm thời để tiện vận chuyển.	
7104.10	- Thạch anh áp điện:	RVC 40% hoặc CTH
7104.20	- Loại khác, chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt đơn giản hoặc tạo hình thô	RVC 40% hoặc CTH
7104.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTSH
71.05	Bụi và bột của đá quý hoặc đá bán quý tự nhiên hoặc tổng hợp.	
7105.10	- Của kim cương	RVC 40% hoặc CTH
7105.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
71.06	Bạc (kể cả bạc được mạ vàng hoặc bạch kim), chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm, hoặc dạng bột.	
7106.10	- Dạng bột	RVC 40% hoặc CC
	- Dạng khác:	
7106.91	- - Chưa gia công	RVC 40% hoặc CC
7106.92	- - Dạng bán thành phẩm	RVC 40% hoặc CC
7107.00	Kim loại cơ bản được dát phủ bạc, chưa gia công quá mức bán thành phẩm.	RVC 40% hoặc CC
71.08	Vàng (kể cả vàng mạ bạch kim) chưa gia công	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	hoặc ở dạng bán thành phẩm, hoặc ở dạng bột.	
	- Không phải dạng tiền tệ:	
7108.11	- - Dạng bột	RVC 40% hoặc CC
7108.12	- - Dạng chưa gia công khác:	RVC 40% hoặc CC
7108.13	- - Dạng bán thành phẩm khác	RVC 40% hoặc CTSH
7108.20	- Dạng tiền tệ	RVC 40% hoặc CC
7109.00	Kim loại cơ bản hoặc bạc, dát phủ vàng, chưa được gia công quá mức bán thành phẩm.	RVC 40% hoặc CC
71.10	Bạch kim, chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm, hoặc dạng bột.	
	- Bạch kim:	
7110.11	- - Chưa gia công hoặc ở dạng bột:	RVC 40% hoặc CC
7110.19	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CC
	- Paladi:	
7110.21	- - Chưa gia công hoặc ở dạng bột:	RVC 40% hoặc CC
7110.29	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CC
	- Rodi:	
7110.31	- - Chưa gia công hoặc ở dạng bột:	RVC 40% hoặc CC
7110.39	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CC
	- Iridi, osmi và ruteni:	
7110.41	- - Chưa gia công hoặc ở dạng bột:	RVC 40% hoặc CC
7110.49	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CC
7111.00	Kim loại cơ bản, bạc hoặc vàng, dát phủ bạch kim, chưa gia công quá mức bán thành phẩm.	RVC 40% hoặc CC
71.12	Phế liệu và mảnh vụn của kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý; phế liệu và mảnh vụn khác chứa kim loại quý hoặc các hợp chất kim loại quý, loại sử dụng chủ yếu cho việc thu hồi kim loại quý.	
7112.30	- Tro (xỉ) có chứa kim loại quý hoặc các hợp chất kim loại quý	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm từ quá trình sản xuất hoặc tiêu thụ.
	- Loại khác:	
7112.91	- - Từ vàng, kể cả kim loại dát phủ vàng trừ mảnh vụn có chứa các kim loại quý khác	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm từ quá trình sản xuất hoặc tiêu thụ.
7112.92	- - Từ bạch kim, kể cả kim loại dát phủ bạch kim trừ	Sản phẩm thuộc phân

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	mảnh vụn có chứa các kim loại quý khác	nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm từ quá trình sản xuất hoặc tiêu thụ.
7112.99	- - Loại khác:	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm từ quá trình sản xuất hoặc tiêu thụ.
71.13	Đồ trang sức và các bộ phận của đồ trang sức, bằng kim loại quý hoặc kim loại được dát phủ kim loại quý.	
	- Bằng kim loại quý đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:	
7113.11	- - Bằng bạc, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý khác:	RVC 40% hoặc CTH
7113.19	- - Bằng kim loại quý khác, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:	RVC 40% hoặc CTH
7113.20	- Bằng kim loại cơ bản dát phủ kim loại quý:	RVC 40% hoặc CTH
71.14	Đồ kỹ nghệ vàng hoặc bạc và các bộ phận của đồ kỹ nghệ vàng bạc, bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý.	
	- Bằng kim loại quý đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:	
7114.11	- - Bằng bạc, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý khác	RVC 40% hoặc CTH
7114.19	- - Bằng kim loại quý khác, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý	RVC 40% hoặc CTH
7114.20	- Bằng kim loại cơ bản dát phủ kim loại quý	RVC 40% hoặc CTH
71.15	Các sản phẩm khác bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý.	
7115.10	- Vật xúc tác ở dạng tấm đan hoặc lưới, bằng bạch kim	RVC 40% hoặc CTH
7115.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
71.16	Sản phẩm bằng ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý (tự nhiên, tổng hợp hoặc tái tạo).	
7116.10	- Bằng ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy	RVC 40% hoặc CTH
7116.20	- Bằng đá quý hoặc đá bán quý (tự nhiên, tổng hợp hoặc tái tạo)	RVC 40% hoặc CTH
71.17	Đồ trang sức làm bằng chất liệu khác.	
	- Bằng kim loại cơ bản, đã hoặc chưa mạ kim loại	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	quý:	
7117.11	-- Khuy măng sét và khuy rời:	RVC 40% hoặc CTH
7117.19	-- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
7117.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
71.18	Tiền kim loại.	
7118.10	- Tiền kim loại (trừ tiền vàng), không được coi là tiền tệ chính thức:	RVC 40% hoặc CTH
7118.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
Chương 72 - Sắt và thép		
72.01	Gang thỏi và, gang kính ở dạng thỏi, dạng khối hoặc dạng thô khác.	
7201.10	- Gang thỏi không hợp kim có hàm lượng phospho từ 0,5% trở xuống tính theo trọng lượng	RVC 40% hoặc CC
7201.20	- Gang thỏi không hợp kim có hàm lượng phospho trên 0,5% tính theo trọng lượng	RVC 40% hoặc CC
7201.50	- Gang thỏi hợp kim; gang kính	RVC 40% hoặc CC
72.02	Hợp kim fero.	
	- Fero - mangan:	
7202.11	-- Có hàm lượng carbon trên 2% tính theo trọng lượng	RVC 40% hoặc CTH
7202.19	-- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
	- Fero - silic:	
7202.21	-- Có hàm lượng silic trên 55% tính theo trọng lượng	RVC 40% hoặc CTH
7202.29	-- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
7202.30	- Fero - silic - mangan	RVC 40% hoặc CTH
	- Fero - crôm:	
7202.41	-- Có hàm lượng carbon trên 4% tính theo trọng lượng	RVC 40% hoặc CTH
7202.49	-- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
7202.50	- Fero - silic - crôm	RVC 40% hoặc CTH
7202.60	- Fero - niken	RVC 40% hoặc CTH
7202.70	- Fero - molipden	RVC 40% hoặc CTH
7202.80	- Fero - vonfram và fero - silic - vonfram	RVC 40% hoặc CTH
	- Loại khác:	
7202.91	-- Fero - titan và fero - silic - titan	RVC 40% hoặc CTH
7202.92	-- Fero - vanadi	RVC 40% hoặc CTH
7202.93	-- Fero - niobi	RVC 40% hoặc CTH
7202.99	-- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
72.03	Các sản phẩm chứa sắt được hoàn nguyên trực tiếp từ quặng sắt và các sản phẩm sắt xộp khác, dạng tảng, cục hoặc các dạng tương tự; sắt có độ tinh khiết tối thiểu là 99,94%, ở dạng tảng, cục	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	hoặc các dạng tương tự.	
7203.10	- Các sản phẩm chứa sắt được hoàn nguyên trực tiếp từ quặng sắt	RVC 40% hoặc CC
7203.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CC
72.04	Phế liệu và mảnh vụn sắt; thỏi đúc phế liệu nấu lại từ sắt hoặc thép.	
7204.10	- Phế liệu và mảnh vụn của gang đúc	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm từ quá trình sản xuất hoặc tiêu thụ.
	- Phế liệu và mảnh vụn của thép hợp kim:	
7204.21	- - Bảng thép không gỉ	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm từ quá trình sản xuất hoặc tiêu thụ.
7204.29	- - Loại khác	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm từ quá trình sản xuất hoặc tiêu thụ.
7204.30	- Phế liệu và mảnh vụn của sắt hoặc thép tráng thiếc	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm từ quá trình sản xuất hoặc tiêu thụ.
	- Phế liệu và mảnh vụn khác:	
7204.41	- - Phoi tiện, phoi bào, mảnh vỡ, vảy cán, mặt cưa, mặt giũa, phoi cắt và bavaria, đã hoặc chưa được ép thành khối hay đóng thành kiện, bánh, bó	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm từ quá trình sản xuất hoặc tiêu thụ.
7204.49	- - Loại khác	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm từ quá trình sản xuất hoặc tiêu thụ.

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7204.50	- Thỏi đúc phế liệu nấu lại	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm từ quá trình sản xuất hoặc tiêu thụ.
72.05	Hạt và bột, của gang thổi, gang kính, sắt hoặc thép.	
7205.10	- Hạt	RVC 40% hoặc CTH
	- Bột:	
7205.21	- - Của thép hợp kim	RVC 40% hoặc CTH
7205.29	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
72.06	Sắt và thép không hợp kim dạng thỏi đúc hoặc các dạng thô khác (trừ sắt thuộc nhóm 72.03).	
7206.10	- Dạng thỏi đúc:	RVC 40% hoặc CTH
7206.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
72.07	Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng bán thành phẩm.	
	- Có hàm lượng carbon dưới 0,25% tính theo trọng lượng:	
7207.11	- - Mặt cắt ngang hình chữ nhật (kể cả hình vuông), có chiều rộng nhỏ hơn hai lần chiều dày	RVC 40% hoặc CC
7207.12	- - Loại khác, có mặt cắt ngang hình chữ nhật (trừ hình vuông):	RVC 40% hoặc CC
7207.19	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CC
7207.20	- Có hàm lượng carbon từ 0,25% trở lên tính theo trọng lượng:	RVC 40% hoặc CC
72.08	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, được cán nóng, chưa phủ, mạ hoặc tráng.	
7208.10	- Dạng cuộn, chưa được gia công quá mức cán nóng, có hình dập nổi	RVC 40% hoặc CC
	- Loại khác, dạng cuộn, chưa được gia công quá mức cán nóng, đã ngâm tẩy gỉ:	
7208.25	- - Chiều dày từ 4,75 mm trở lên	RVC 40% hoặc CC
7208.26	- - Chiều dày từ 3 mm đến dưới 4,75 mm	RVC 40% hoặc CC
7208.27	- - Chiều dày dưới 3mm:	RVC 40% hoặc CC
	- Loại khác, dạng cuộn, chưa được gia công quá mức cán nóng:	
7208.36	- - Chiều dày trên 10 mm	RVC 40% hoặc CC
7208.37	- - Chiều dày từ 4,75 mm đến 10 mm	RVC 40% hoặc CC
7208.38	- - Chiều dày từ 3 mm đến dưới 4,75 mm	RVC 40% hoặc CC
7208.39	- - Chiều dày dưới 3 mm:	RVC 40% hoặc CC

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7208.40	- Dạng không cuộn, chưa được gia công quá mức cán nóng, có hình dập nổi trên bề mặt	RVC 40% hoặc CC
	- Loại khác, dạng không cuộn, chưa được gia công quá mức cán nóng:	
7208.51	- - Chiều dày trên 10 mm	RVC 40% hoặc CC
7208.52	- - Chiều dày từ 4,75 mm đến 10 mm	RVC 40% hoặc CC
7208.53	- - Chiều dày từ 3 mm đến dưới 4,75 mm	RVC 40% hoặc CC
7208.54	- - Chiều dày dưới 3 mm:	RVC 40% hoặc CC
7208.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CC
72.09	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên, cán nguội (ép nguội), chưa dát phủ, mạ hoặc tráng.	
	- Ở dạng cuộn, chưa được gia công quá mức cán nguội (ép nguội):	
7209.15	- - Có chiều dày từ 3 mm trở lên	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
7209.16	- - Có chiều dày trên 1 mm đến dưới 3 mm:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
7209.17	- - Có chiều dày từ 0,5 mm đến 1 mm:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
7209.18	- - Có chiều dày dưới 0,5 mm:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
	- Ở dạng không cuộn, chưa được gia công quá mức cán nguội (ép nguội):	
7209.25	- - Có chiều dày từ 3 mm trở lên	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
7209.26	- - Có chiều dày trên 1 mm đến dưới 3 mm:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
7209.27	- - Có chiều dày từ 0,5 mm đến 1 mm:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
7209.28	- - Có chiều dày dưới 0,5 mm:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
7209.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 hoặc 7211
72.10	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, đã phủ, mạ hoặc tráng.	
	- Được mạ hoặc tráng thiếc:	
7210.11	- - Có chiều dày từ 0,5 mm trở lên:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
7210.12	- - Có chiều dày dưới 0,5 mm:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
7210.20	- Được mạ hoặc tráng chì, kể cả hợp kim chì thiếc:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
7210.30	- Được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp điện phân:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
	- Được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp khác:	
7210.41	- - Dạng lượn sóng:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
7210.49	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
7210.50	- Được mạ hoặc tráng bằng oxit crom hoặc bằng crom và oxit crom	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
	- Được mạ hoặc tráng nhôm:	
7210.61	- - Được mạ hoặc tráng hợp kim nhôm-kẽm:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
7210.69	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
7210.70	- Được sơn, quét vecni hoặc phủ plastic:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
7210.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208, 7209 hoặc 7211
72.11	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng dưới 600mm, chưa phủ, mạ hoặc tráng.	
	- Chưa được gia công quá mức cán nóng:	
7211.13	- - Được cán 4 mặt hoặc ở dạng khuôn hộp kín, có chiều rộng trên 150 mm và chiều dày không dưới 4	RVC 40% hoặc CC

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	mm, không ở dạng cuộn và không có hình dập nổi:	
7211.14	- - Loại khác, chiều dày từ 4,75 mm trở lên:	RVC 40% hoặc CC
7211.19	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CC
	- Chưa được gia công quá mức cán nguội (ép nguội):	
7211.23	- - Có hàm lượng carbon dưới 0,25% tính theo trọng lượng:	RVC 40% hoặc CC
7211.29	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CC
7211.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CC
72.12	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim cán phẳng, có chiều rộng dưới 600mm, đã phủ, mạ hoặc tráng.	
7212.10	- Được mạ hoặc tráng thiếc:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 đến 7211
7212.20	- Được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp điện phân:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 đến 7211
7212.30	- Được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp khác:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 đến 7211
7212.40	- Được sơn, quét vecni hoặc phủ plastic:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 đến 7211
7212.50	- Được mạ hoặc tráng bằng phương pháp khác:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 đến 7211
7212.60	- Được dát phủ:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7208 đến 7211
72.13	Sắt hoặc thép không hợp kim, dạng thanh và que, ở dạng cuộn cuộn không đều, được cán nóng.	
7213.10	- Có răng khía, rãnh, gân hoặc các dạng khác được tạo thành trong quá trình cán:	RVC 40% hoặc CC
7213.20	- Loại khác, bằng thép dễ cắt gọt	RVC 40% hoặc CC
	- Loại khác:	
7213.91	- - Có đường kính mặt cắt ngang hình tròn dưới 14 mm:	RVC 40% hoặc CC
7213.99	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CC
72.14	Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức rèn, cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn nóng, nhưng kể cả những dạng này được xoắn sau khi cán.	
7214.10	- Đã qua rèn:	RVC 40% hoặc CC

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7214.20	- Có răng khía, rãnh, gân hoặc các dạng khác được tạo thành trong quá trình cán hoặc xoắn sau khi cán:	RVC 40% hoặc CC
7214.30	- Loại khác, bằng thép dễ cắt gọt:	RVC 40% hoặc CC
	- Loại khác:	
7214.91	- - Mặt cắt ngang hình chữ nhật (trừ hình vuông):	RVC 40% hoặc CC
7214.99	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CC
72.15	Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác.	
7215.10	- Bằng thép dễ cắt gọt, chưa được gia công quá mức tạo hình nguội hoặc gia công kết thúc nguội:	RVC 40% hoặc CC
7215.50	- Loại khác, chưa được gia công quá mức tạo hình nguội hoặc gia công kết thúc nguội:	RVC 40% hoặc CC
7215.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CC
72.16	Sắt hoặc thép không hợp kim dạng góc, khuôn, hình.	
7216.10	- Hình chữ U, I hoặc H, chưa được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn, có chiều cao dưới 80 mm	RVC 40% hoặc CC
	- Hình chữ L hoặc chữ T, chưa được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn, có chiều cao dưới 80 mm:	
7216.21	- - Hình chữ L:	RVC 40% hoặc CC
7216.22	- - Hình chữ T	RVC 40% hoặc CC
	- Hình chữ U, I hoặc H, chưa được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn có chiều cao từ 80 mm trở lên:	
7216.31	- - Hình chữ U:	RVC 40% hoặc CC
7216.32	- - Hình chữ I:	RVC 40% hoặc CC
7216.33	- - Hình chữ H:	RVC 40% hoặc CC
7216.40	- Hình chữ L hoặc chữ T, chưa được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn, có chiều cao từ 80 mm trở lên:	RVC 40% hoặc CC
7216.50	- Góc, khuôn và hình khác, chưa được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn qua khuôn:	RVC 40% hoặc CC
	- Góc, khuôn và hình khác, chưa được gia công quá mức tạo hình nguội hoặc gia công kết thúc nguội:	
7216.61	- - Thu được từ các sản phẩm cán phẳng	RVC 40% hoặc CC
7216.69	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CC
7216.91	- - Được tạo hình hoặc hoàn thiện trong quá trình gia công nguội từ các sản phẩm cán phẳng:	RVC 40% hoặc CC
7216.99	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CC
72.17	Dây của sắt hoặc thép không hợp kim.	
7217.10	- Không được mạ hoặc tráng, đã hoặc chưa được	RVC 40% hoặc CTH,

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
	đánh bóng:	ngoại trừ từ 7213 đến 7215
7217.20	- Được mạ hoặc tráng kẽm:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7213 đến 7215
7217.30	- Được mạ hoặc tráng kim loại cơ bản khác:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7213 đến 7215
7217.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7213 đến 7215
72.18	Thép không gỉ ở dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác; bán thành phẩm của thép không gỉ.	
7218.10	- Ở dạng thỏi đúc và dạng thô khác	RVC 40% hoặc CTH
	- Loại khác:	
7218.91	- - Có mặt cắt ngang hình chữ nhật (trừ hình vuông)	RVC 40% hoặc CTH
7218.99	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
72.19	Các sản phẩm của thép không gỉ cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên.	
	- Chưa được gia công quá mức cán nóng, ở dạng cuộn:	
7219.11	- - Chiều dày trên 10 mm	RVC 40% hoặc CTH
7219.12	- - Chiều dày từ 4,75 mm đến 10 mm	RVC 40% hoặc CTH
7219.13	- - Chiều dày từ 3 mm đến dưới 4,75 mm	RVC 40% hoặc CTH
7219.14	- - Chiều dày dưới 3 mm	RVC 40% hoặc CTH
	- Chưa được gia công quá mức cán nóng, không ở dạng cuộn:	
7219.21	- - Chiều dày trên 10 mm	RVC 40% hoặc CTH
7219.22	- - Chiều dày từ 4,75 mm đến 10 mm	RVC 40% hoặc CTH
7219.23	- - Chiều dày từ 3 mm đến dưới 4,75 mm	RVC 40% hoặc CTH
7219.24	- - Chiều dày dưới 3 mm	RVC 40% hoặc CTH
	- Chưa được gia công quá mức cán nguội (ép nguội):	
7219.31	- - Chiều dày từ 4,75 mm trở lên	RVC 40% hoặc CTSH
7219.32	- - Chiều dày từ 3 mm đến dưới 4,75 mm	RVC 40% hoặc CTSH
7219.33	- - Chiều dày trên 1 mm đến dưới 3 mm	RVC 40% hoặc CTSH
7219.34	- - Chiều dày từ 0,5 mm đến 1 mm	RVC 40% hoặc CTSH
7219.35	- - Chiều dày dưới 0,5 mm	RVC 40% hoặc CTSH
7219.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTSH
72.20	Các sản phẩm thép không gỉ được cán phẳng, có chiều rộng dưới 600 mm.	
	- Chưa được gia công quá mức cán nóng:	
7220.11	- - Chiều dày từ 4,75 mm trở lên:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7219

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7220.12	- - Chiều dày dưới 4,75 mm:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7219
7220.20	- Chưa được gia công quá mức cán nguội (ép nguội):	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7219
7220.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7219
7221.00	Thanh và que thép không gỉ được cán nóng, dạng cuộn cuộn không đều.	RVC 40% hoặc CTH
72.22	Thép không gỉ dạng thanh và que khác; thép không gỉ ở dạng góc, khuôn và hình khác.	
	- Dạng thanh và que, chưa được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn qua khuôn:	
7222.11	- - Có mặt cắt ngang hình tròn	RVC 40% hoặc CTH
7222.19	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
7222.20	- Dạng thanh và que, chưa được gia công quá mức tạo hình nguội hoặc gia công kết thúc nguội:	RVC 40% hoặc CTH
7222.30	- Các thanh và que khác:	RVC 40% hoặc CTH
7222.40	- Các dạng góc, khuôn và hình:	RVC 40% hoặc CTH
7223.00	Dây thép không gỉ.	RVC 40% hoặc CTH
72.24	Thép hợp kim khác ở dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác; các bán thành phẩm bằng thép hợp kim khác.	
7224.10	- Ở dạng thỏi đúc và dạng thô khác	RVC 40% hoặc CTH
7224.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
72.25	Thép hợp kim khác được cán phẳng, có chiều rộng từ 600 mm trở lên.	
	- Bằng thép silic kỹ thuật điện:	
7225.11	- - Các hạt (cấu trúc tế vi) kết tinh có định hướng	RVC 40% hoặc CTH
7225.19	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CTH
7225.30	- Loại khác, chưa được gia công quá mức cán nóng, ở dạng cuộn:	RVC 40% hoặc CTH
7225.40	- Loại khác, chưa được gia công quá mức cán nóng, không ở dạng cuộn:	RVC 40% hoặc CTH
7225.50	- Loại khác, chưa được gia công quá mức cán nguội (ép nguội):	RVC 40% hoặc CTH
	- Loại khác:	
7225.91	- - Được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp điện phân:	RVC 40% hoặc CTH
7225.92	- - Được mạ hoặc tráng kẽm bằng phương pháp khác:	RVC 40% hoặc CTH
7225.99	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH
72.26	Sản phẩm của thép hợp kim khác được cán phẳng, có chiều rộng dưới 600 mm.	
	- Bằng thép silic kỹ thuật điện:	

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
7226.11	-- Các hạt tinh thể (cấu trúc tế vi) có định hướng:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7225
7226.19	-- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7225
7226.20	- Bảng thép gió:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7225
	- Loại khác:	
7226.91	-- Chưa được gia công quá mức cán nóng:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7225
7226.92	-- Chưa được gia công quá mức cán nguội (ép nguội):	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7225
7226.99	-- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7225
72.27	Các dạng thanh và que, của thép hợp kim khác, được cán nóng, dạng cuộn không đều.	
7227.10	- Bảng thép gió	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7228
7227.20	- Bảng thép mangan - silic	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7228
7227.90	- Loại khác	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7228
72.28	Các dạng thanh và que khác bằng thép hợp kim khác; các dạng góc, khuôn và hình, bằng thép hợp kim khác; thanh và que rỗng, bằng thép hợp kim hoặc không hợp kim.	
7228.10	- Ổ dạng thanh và que, bằng thép gió:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
7228.20	- Ổ dạng thanh và que, bằng thép silic-mangan:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
7228.30	- Dạng thanh và que khác, chưa được gia công quá mức cán nóng, kéo nóng hoặc ép đùn:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
7228.40	- Các loại thanh và que khác, chưa được gia công quá mức rèn:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
7228.50	- Các loại thanh và que khác, chưa được gia công quá mức cán nguội hoặc gia công kết thúc nguội:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
7228.60	- Các loại thanh và que khác:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
7228.70	- Các dạng góc, khuôn và hình:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
7228.80	- Thanh và que rỗng:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227
72.29	Dây thép hợp kim khác.	
7229.20	- Bảng thép silic-mangan	RVC 40% hoặc CTH,

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		ngoại trừ từ 7227 hoặc 7228
7229.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CTH, ngoại trừ từ 7227 hoặc 7228
Chương 73 - Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép		
73.01	Cọc cừ (sheet piling) bằng sắt hoặc thép, đã hoặc chưa khoan lỗ, đục lỗ hoặc ghép từ các bộ phận lắp ráp; sắt hoặc thép, ở dạng góc, khuôn và dạng hình, đã được hàn.	
7301.10	- Cọc cừ	RVC 40% hoặc CC, ngoại trừ từ 7207 đến 7209 hoặc 7211
7301.20	- Dạng góc, khuôn và hình	RVC 40% hoặc CC, ngoại trừ từ 7207 đến 7209 hoặc 7211
73.02	Vật liệu xây dựng đường ray xe lửa hoặc tàu điện bằng sắt hoặc thép, như: ray, ray dẫn hướng và ray có răng, lưỡi ghi, ghi chéo, cần bẻ ghi và các đoạn nối chéo khác, tà vẹt (dầm ngang), thanh nối ray, gối ray, tấm đệm ray, tấm đế (đế ray), thanh chống xô, bệ đỡ (bedplate), tà vẹt và vật liệu chuyên dùng khác cho việc ghép hoặc định vị đường ray.	
7302.10	- Ray	RVC 40% hoặc CC, ngoại trừ từ 7207 đến 7209
7302.30	- Lưỡi ghi, ghi chéo, cần bẻ ghi và các đoạn nối chéo khác	RVC 40% hoặc CC, ngoại trừ từ 7207 đến 7209
7302.40	- Thanh nối ray và tấm đế	RVC 40% hoặc CC, ngoại trừ từ 7207 đến 7209
7302.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CC, ngoại trừ từ 7207 đến 7209
7303.00	Các loại ống, ống dẫn và thanh hình rỗng, bằng gang đúc.	RVC 40% hoặc CC
73.04	Các loại ống, ống dẫn và thanh hình rỗng, không nối, bằng sắt (trừ gang đúc) hoặc thép.	
	- Ống dẫn sử dụng cho đường ống dẫn dầu hoặc khí:	
7304.11	- - Bằng thép không gỉ	RVC 40% hoặc CC
7304.19	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CC, ngoại trừ từ 7207 đến

Mã hàng	Mô tả hàng hóa	Quy tắc cụ thể mặt hàng
		7211
	- Ống chống, ống và ống khoan, sử dụng cho khoan dầu hoặc khí:	
7304.22	- - Ống khoan bằng thép không gỉ:	RVC 40% hoặc CC
7304.23	- - Ống khoan khác:	RVC 40% hoặc CC, ngoại trừ từ 7207 đến 7211
7304.24	- - Loại khác, bằng thép không gỉ:	RVC 40% hoặc CC
7304.29	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CC, ngoại trừ từ 7207 đến 7211
	- Loại khác, có mặt cắt ngang hình tròn, bằng sắt hoặc thép không hợp kim:	
7304.31	- - Được kéo nguội hoặc cán nguội (ép nguội):	RVC 40% hoặc CC, ngoại trừ từ 7207 đến 7211
7304.39	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CC, ngoại trừ từ 7207 đến 7211
	- Loại khác, có mặt cắt ngang hình tròn, bằng thép không gỉ:	
7304.41	- - Được kéo nguội hoặc cán nguội (ép nguội)	RVC 40% hoặc CC
7304.49	- - Loại khác	RVC 40% hoặc CC
	- Loại khác, có mặt cắt ngang hình tròn, bằng thép hợp kim khác:	
7304.51	- - Được kéo nguội hoặc cán nguội (ép nguội):	RVC 40% hoặc CC, ngoại trừ từ 7207 đến 7211
7304.59	- - Loại khác:	RVC 40% hoặc CC, ngoại trừ từ 7207 đến 7211
7304.90	- Loại khác:	RVC 40% hoặc CC, ngoại trừ từ 7207 đến 7211
73.05	Các loại ống và ống dẫn khác bằng sắt hoặc thép (ví dụ, được hàn, tán bằng đinh hoặc ghép với nhau bằng cách tương tự), có mặt cắt ngang hình tròn, đường kính ngoài trên 406,4 mm.	
	- Ống dẫn được sử dụng cho đường ống dẫn dầu hoặc khí:	
7305.11	- - Hàn chìm theo chiều dọc bằng hồ quang	RVC 40% hoặc CC, ngoại trừ từ 7208 đến 7211
7305.12	- - Loại khác, hàn theo chiều dọc:	RVC 40% hoặc CC,